TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN B- LÂM ĐỒNG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2019/QĐST- DS	*B, ngày 11 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 110/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: Vợ chồng ông **Lê Đức M,** sinh năm: 1968

và bà **Đỗ Thị H,** sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn 9, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc Th**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 157/3 Hồ Tùng Mậu, Tổ 4, Phường I, Thành phố M, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bị đơn: Vợ chồng ông **Trần Văn T,** sinh năm: 1962

và bà **Đàm Thị N,** sinh năm: 1963

Địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2- Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng ông Trần Văn T, bà Đàm Thị N phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Lê Đức M, bà Đỗ Thị H tổng số tiền là **969.592.500đ** (*Chín trăm sáu mươi chín triệu năm trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng*). Trong đó: Tiền gốc là: 646.500.000đ; Tiền lãi là: 323.092.500đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Vợ chồng ông Trần Văn T, bà Đàm Thị N phải chịu **20.543.800đ** (*Hai mươi triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng ông Lê Đức M, bà Đỗ Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông Lê Đức M, bà Đỗ Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **20.197.500đ** (*Hai mươi triệu một trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012973 ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện B;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường